

BỆNH VIÊM TỬ CUNG SAU ĐẺ Ở ĐÀN CHÓ GIỐNG BERGER ĐỨC NUÔI TẠI MỘT SỐ TỈNH PHÍA BẮC VIỆT NAM VÀ THỬ NGHIỆM ĐIỀU TRỊ

*Nguyễn Văn Thanh, Nguyễn Thị Thanh Hà
Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

TÓM TẮT

Nghiên cứu được tiến hành trên 396 chó cái giống Berger Đức tại một số tỉnh phía Bắc, Việt Nam (Hà Nội, Hải Phòng và Hải Dương). Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ mắc bệnh viêm tử cung của đàn chó giống Berger Đức nuôi tại các địa phương nói trên là khá cao, trung bình là 16,42%, biến động từ 13,54% đến 29,63%, tùy theo khu vực khảo sát. Ngoài ra, độ tuổi của chó cũng ảnh hưởng đến tỷ lệ mắc bệnh, thấp nhất là ở chó nhỏ hơn 2 năm tuổi (10,78%) và cao nhất là ở chó trên 6 năm tuổi (23,91%), bên cạnh đó, tỷ lệ chó bị mắc bệnh cũng chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố thời tiết, tỷ lệ mắc bệnh cao vào mùa hạ và mùa xuân (23,95% và 21,42%), ở mùa đông và mùa thu thì tỷ lệ mắc bệnh thấp hơn (11,0% và 8,82%). Các bệnh sản khoa như đẻ khó, sát nhau và sảy thai là những nguyên nhân chính gây ra bệnh viêm tử cung ở chó. Điều trị bệnh viêm tử cung ở chó cho kết quả cao bằng những biện pháp sau: dùng Ovulprost tiêm bắp, dùng Lugol 0,1% thực rửa tử cung, dùng cephalochlor 5mg/kg thể trọng pha với 50ml nước cất bơm vào tử cung và kết hợp trợ sức, trợ lực bằng vitamin ADE, B-complex.

Từ khóa: viêm tử cung, chó Berger Đức, điều trị thử nghiệm

Study on metritis of German shepherd bitches in some Northern provinces, Viet Nam and experimental therapy

Nguyen Van Thanh, Nguyen Thi Thanh Ha

SUMMARY

The study was carried out on 396 German shepherd bitches in some Northern provinces, Viet Nam (Ha Noi, Hai Phong and Hai Duong). The studied result showed that the average prevalence of metritis in the German shepherd bitches was 16.42%, fluctuating from 13.54% to 29.63%, depending on the investigated locations. The infection rate of bitches with metritis increased according to their age; the lowest rate was observed in the dogs less than 2 years old (13.46%) and the highest rate was observed in the dogs more than 6 years old (26.78%). The infection rate of dog was also different among the seasons, of which the higher infection rate was in summer and spring (23.95% and 21.42%) and the lower infection rate was in autumn and winter (8.82% and 11.0%). The reproductive diseases, including delivery difficulty, placental retention and abortion were the main causes of metritis. The treatment of metritis, including intramuscular injection of Ovulprost, intrauterine infusion of Lugol 0.1% and cephalochlor 5%, together with using ADE, B-complex had given the high treatment efficacy.

Keywords: metritis, German shepherd dog, experimental therapy.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chó là một trong những con vật được người thuần hóa, nuôi dưỡng sớm và có quan hệ mật thiết nhất đối với con người (CAB International, 2007). Trong những năm gần đây đã có nhiều giống chó quý, nổi tiếng trên thế giới được nhập về nuôi ở Việt Nam, trong đó giống chó Berger

Đức là giống được nhiều người chọn lựa. Với ngoại hình đẹp, thông minh, nhanh nhẹn, trung thành với chủ, giống chó Berger Đức đã được coi là giống chó số 1 thế giới (Nguyễn Văn Thanh và Nguyễn Mạnh Hà, 2012). Để cung cấp con giống đáp ứng nhu cầu của xã hội, phong trào nuôi chó giống Berger Đức với mục đích sinh sản đã và đang phát triển ở nhiều nơi

trên phạm vi cả nước. Tuy nhiên, do trình độ hiểu biết, kỹ thuật chăn nuôi và khả năng phòng trị bệnh còn hạn chế, người chăn nuôi vẫn chưa khai thác được hết khả năng sinh sản của chó giống Berger Đức và tỷ lệ sinh sản của chó vẫn còn thấp. Một trong những nguyên nhân quan trọng nhất gây ảnh hưởng đến tỷ lệ sinh sản của chó là bệnh viêm tử cung (Sharif và cs., 2013; Kida và cs., 2006). Bệnh này không chỉ kéo dài thời gian động dục lại sau đẻ, tăng số lần phối giống/có chửa, giảm số con sinh ra mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của chó mẹ (Nguyễn Văn Thanh và cs., 2016). Nguyên nhân chính gây viêm tử cung là dễ khó, sát nhau, sảy thai và nếu không được điều trị kịp thời sẽ dễ phát triển trùng máu có thể làm chết chó mẹ (Hagman và cs., 2006; Jitpean và cs., 2012). Hiện tại ở nước ta, để điều trị bệnh viêm tử cung ở chó, chủ yếu vẫn sử dụng phương pháp thực rửa tử cung bằng dung dịch sát trùng kết hợp với việc dùng kháng sinh, do đó kết quả thu được còn hạn chế. Chính vì vậy, việc nghiên cứu tìm hiểu các khía cạnh về bệnh viêm tử cung và tìm ra phương pháp điều trị hiệu quả bệnh viêm tử cung ở chó nói chung và ở giống chó Berger Đức nói riêng tại nước ta là cần thiết. Nghiên cứu này của chúng tôi tiến hành với mục đích tìm hiểu thực trạng bệnh viêm tử cung sau đẻ trên đàn chó sinh sản giống Berger Đức nuôi tại khu vực phía Bắc Việt Nam, đồng thời thử nghiệm một số phác đồ điều trị bệnh nhằm tìm ra biện pháp có hiệu quả nhất.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những chó cái giống Berger Đức đã đẻ ít nhất 1 lứa, bao gồm những chó được nhập từ Cộng hòa Liên bang Đức và những chó được sinh ra ở Việt Nam có bố, mẹ là chó giống Berger Đức thuần (có hồ sơ gốc) đang được nuôi tại các Trung tâm nghiên cứu, nuôi dưỡng, huấn luyện chó nghiệp vụ và một số địa phương phía Bắc Việt Nam.

2.2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trong thời gian từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 11 năm 2017, bao gồm các nội dung:

Khảo sát tình hình bệnh: được thực hiện qua bảng câu hỏi được thiết kế nhằm tìm hiểu các thông tin phục vụ cho nghiên cứu, bao gồm độ tuổi chó, lứa đẻ, các bệnh sản khoa, thời điểm mắc bệnh và tình trạng bệnh kết hợp với việc thăm khám theo dõi trực tiếp.

Xác định chó cái mắc viêm tử cung các thể được thực hiện bằng phương pháp theo dõi triệu chứng lâm sàng toàn thân và ở cục bộ cơ quan sinh dục. Quá trình theo dõi dịch đào thải từ đường sinh dục của chó cái sau đẻ được thực hiện ngày 2 lần vào buổi sáng và chiều tối từ khi chó cái đẻ đến khi hết dịch. Trong thời gian này, nếu tính chất của dịch thay đổi từ không màu hoặc hơi hồng, trong, lỏng chuyển sang màu trắng sữa, hồng đỏ, vàng hoặc nâu rỉ sắt, dịch đặc hơn hoặc có bã đậu, dịch có mùi hôi, thối thì được coi đó là chó bị viêm tử cung sau đẻ.

Xác định chó cái mắc các bệnh sinh sản dễ khó, sát nhau, sảy thai:

Đẻ khó: Nếu chó rặn nhiều, rặn lâu trên 2h, sau đó cơn rặn giảm dần, chó mẹ mệt mỏi, nước ối nhiều, có lẫn máu mà vẫn không đẻ được, hoặc khoảng cách sinh ra giữa các chó con trong cùng một mẹ cách nhau quá 30 phút thì chó mẹ được cho là đẻ khó (Hermann và Ekkehard, 2005). Những chó không tự đẻ được phải can thiệp bằng dụng cụ sản khoa hoặc biện pháp mổ đẻ được tính vào đối tượng chó đẻ khó.

Sát nhau: Bình thường sau khi đẻ trong vòng nhiều nhất 2h nhau thai sẽ bong ra, nên nếu quá thời gian nói trên mà nhau không ra thì chó mẹ được coi là bị bệnh sát nhau (Nguyễn Văn Thanh và cs., 2016).

Sảy thai: Chó đang mang thai xuất hiện máu chảy từ cơ quan sinh dục ra ngoài, trong một số trường hợp có thể thấy thai nhi chó bị đẩy ra ngoài, sau đó khám thì thấy chó không còn mang thai nữa thì được xác nhận là sảy thai (Trần Tiến Dũng và cs., 2002).

Thử nghiệm điều trị viêm tử cung: chó cái mắc bệnh viêm tử cung được chia ra 3 lô, các lô có sự tương đồng về số lượng, lứa tuổi, lứa đẻ cũng như tình trạng bệnh mỗi lô được điều trị bằng 1 phác đồ. Chúng tôi thử nghiệm 3 phác đồ điều trị:

Phác đồ 1: Thụt rửa tử cung bằng dung dịch Rivanol 0,1% (500ml) ngày 1 lần, sau khi thụt rửa kích thích cho dung dịch thụt rửa chảy hết ra ngoài, dùng Cephachlor 5mg/kg thể trọng pha với 50ml nước cất bơm vào tử cung, kết hợp trợ sức, trợ lực bằng vitamin ADE, B.complex 5ml tiêm bắp ngày 1 lần.

Phác đồ 2: Dùng 2 ml Oxytocin tiêm dưới da, thụt rửa tử cung 100ml dung dịch Lugol 0,1%, Cephachlor 5mg/kg thể trọng pha với 50ml nước cất bơm vào tử cung ngày một lần, kết hợp trợ sức, trợ lực bằng vitamin ADE, B.complex 5ml tiêm bắp ngày 1 lần.

Phác đồ 3: Dùng Ovulprost tiêm bắp 2ml (25mg), tiêm 1 lần; thụt rửa tử cung 100ml dung dịch Lugol 0,1%, dùng Cephachlor 5mg/kg thể trọng pha với 50ml nước cất bơm vào tử cung ngày một lần, kết hợp trợ sức, trợ lực bằng vitamin ADE, B.complex 5ml tiêm bắp ngày 1 lần.

Liệu trình điều trị của cả 3 phác đồ là từ 3 -7 ngày (tối thiểu 3 ngày, tối đa 7 ngày), những chó điều trị đến hết ngày thứ 7 mà không khỏi phải thay phác đồ điều trị, được coi là điều trị không có kết quả.

Chỉ tiêu đánh giá khỏi bệnh là: nhiệt độ cơ thể trở về trạng thái sinh lý bình thường 37,5 -38,5°C, chó cái không có phản ứng đau khi tác động vào vùng bụng, con vật ăn uống bình thường, hai môi âm môn khép kín, niêm mạc âm môn tiền đình

màu hồng và không có dịch tiết từ cơ quan sinh dục ra ngoài kể cả lúc bình thường và lúc chó đi đại, tiểu tiện.

Đánh giá hiệu quả của các phác đồ được thực hiện thông qua chỉ tiêu: tỷ lệ khỏi bệnh, thời gian điều trị và kết quả sinh sản sau khi lành bệnh, do thời gian động dục lại sau khi đẻ của chó giống Berger Đức tập trung vào thời điểm 5-6 tháng, thời gian mang thai của chó cái là 2 tháng (Nguyễn Văn Thanh, 2016), do đó chúng tôi quy định thời gian đánh giá khả năng sinh sản của chó cái bị bệnh viêm tử cung tính từ khi điều trị khỏi là 8 tháng.

2.3. Xử lý số liệu

Toàn bộ số liệu thu được trong quá trình thực hiện các nội dung nghiên cứu được tập hợp và xử lý theo phương pháp thống kê sinh học trên máy tính. Tỷ lệ mắc bệnh viêm tử cung của chó tại các khu vực khác nhau được so sánh bằng phương pháp Chi-square. Mỗi tương quan giữa độ tuổi và tỷ lệ mắc bệnh được đánh giá thông qua hệ số tương quan *Pearson* (*The Pearson correlation coefficient value*). Các so sánh được thực hiện trên phần mềm SPSS phiên bản 2.2 và sự sai khác được coi là có ý nghĩa thống kê khi $P < 0,05$.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Tỷ lệ mắc bệnh viêm tử cung trên đàn chó giống Berger Đức

Tiến hành khảo sát tỷ lệ mắc bệnh viêm tử cung trên đàn chó giống Berger Đức đang được nuôi tại một số địa phương thuộc các tỉnh khu vực phía Bắc. Kết quả được tóm tắt tại bảng 1.

Bảng 1. Tỷ lệ mắc bệnh viêm tử cung trên đàn chó cái giống Berger Đức

Địa Phương	Số chó theo dõi (con)	Số chó bị bệnh (con)	Tỷ lệ (%)
Hà Nội	208	32	10,81 ^a
Hải Phòng	92	20	21,73 ^b
Hải Dương	96	13	13,54 ^a
Tổng số	396	65	16,41

Ghi chú: Các chữ cái a, b, c ở cùng một cột thể hiện sự khác nhau có ý nghĩa thống kê giữa các tỷ lệ trong cùng một cột. So sánh được thực hiện bằng phương pháp Chi-square, $P < 0,05$.

Theo dõi 396 chó cái giống Berger Đức trên địa bàn 3 tỉnh khu vực phía Bắc (Hà Nội, Hải Phòng và Hải Dương), chúng tôi phát hiện 65 chó cái mắc bệnh viêm tử cung, chiếm tỷ lệ 16,41%, dao động từ 10,81% đến 21,73%. Kết quả của chúng tôi phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Thị Mai Thơ (2009), nhưng cao hơn kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Hoa và Sử Thanh Long (2016), trong đó ghi nhận tỷ lệ mắc bệnh này ở chó lần lượt là 20,0% và 10,21%. Sự sai khác trên, theo chúng tôi là do nghiên cứu của chúng tôi, cũng như nghiên cứu của Nguyễn Thị Mai Thơ (2009) được thực hiện trên chó nuôi tại các địa phương, trong khi nghiên cứu của Nguyễn Thị Hoa và Sử Thanh Long (2016) được thực hiện tại phòng khám, nơi mà chỉ có những chó mắc bệnh nặng, đã điều trị tại nhà không khỏi mới được mang đến. Bên cạnh đó, tỷ lệ mắc viêm tử cung ở chó cái nuôi tại các địa phương

nghiên cứu có sự sai khác rõ rệt ($P < 0,05$). Tỷ lệ mắc viêm tử cung cao nhất thuộc về đàn chó nuôi tại thành phố Hải Phòng (21,73%), tiếp tới là Hải Dương (13,54%) và thấp nhất là đàn chó nuôi tại thành phố Hà Nội (10,81%). Sự khác nhau về tỷ lệ bệnh viêm tử cung trên đàn chó cái tại các khu vực khác nhau, theo chúng tôi đó là do các vùng có sự khác biệt nhau về địa lý, khí hậu, môi trường sống, kỹ thuật và kinh nghiệm chăn nuôi và phòng trị bệnh cho chó.

3.2. Tỷ lệ mắc bệnh viêm tử cung theo độ tuổi của giống chó Berger Đức

Kết quả khảo sát tỷ lệ mắc bệnh viêm tử cung theo độ tuổi của giống Berger Đức nuôi tại khu vực phía Bắc được trình bày tóm tắt tại bảng 2. Độ tuổi được chia thành các khoảng khác nhau để khảo sát tỷ lệ bệnh theo hướng phù hợp với nghiên cứu có tính chất dịch tễ học (Silva và Dean, 2012).

Bảng 2. Tỷ lệ mắc bệnh viêm tử cung theo độ tuổi

Lứa tuổi (năm)	Số chó theo dõi (con)	Số chó bị bệnh (con)	Tỷ lệ (%)
< 2	102	10	10,78
2 đến < 4	104	15	14,42
4 đến ≤ 6	98	18	18,36
> 6	92	22	23,91
R value: 0,99; p < 0,01			

Ghi chú: Mỗi tương quan giữa độ tuổi và tỷ lệ mắc bệnh được đánh giá thông qua hệ số tương quan Pearson (The Pearson correlation coefficient value).

Kết quả ở bảng 2 cho thấy: tỷ lệ mắc viêm tử cung của giống chó Berger Đức tăng dần theo lứa tuổi của chó, ở độ tuổi < 2 năm, tỷ lệ mắc là thấp nhất (10,78%), tiếp tới là chó từ 2-4 tuổi (14,42%), tỷ lệ mắc viêm tử cung ở lứa tuổi 4-6 tuổi là 18,36% và cao nhất là ở chó trên 6 năm tuổi (23,91%), sự sai khác về tỷ lệ mắc viêm tử cung theo độ tuổi có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Theo Trần Tiến Dũng và cs. (2002), những gia súc sinh sản có độ tuổi cao, đã đẻ nhiều lứa, lúc này trương lực của hệ thống cơ tử cung giảm, sức rặn của con mẹ giảm sút, thời gian đẻ kéo dài dễ gây hiện tượng đẻ khó, sau khi đẻ cổ tử cung đóng chậm dễ gây hiện

tượng nhiễm trùng tử cung. Nguyễn Thị Hoa và Sử Thanh Long (2016) nghiên cứu về bệnh viêm tử cung ở chó thông báo: tỷ lệ mắc bệnh viêm tử cung ở chó cái tăng theo tuổi của chó mẹ, tỷ lệ mắc cao nhất gặp ở chó từ 6 năm tuổi trở lên và thấp nhất ở chó 1-2 năm tuổi, tương đồng với kết quả nghiên cứu của chúng tôi.

3.3. Tỷ lệ chó mắc bệnh viêm tử cung theo mùa trong năm

Kết quả khảo sát tỷ lệ mắc bệnh viêm tử cung của giống Berger Đức nuôi tại khu vực phía Bắc theo mùa trong năm được trình bày tóm tắt tại bảng 3.

Bảng 3. Tỷ lệ chó mắc viêm tử cung theo mùa

Mùa	Số chó theo dõi (con)	Số chó mắc bệnh (con)	Tỷ lệ (%)
Xuân	98	21	21,42 ^a
Hạ	96	23	23,95 ^a
Thu	102	10	9,81 ^b
Đông	100	11	11,0 ^b

Ghi chú: Các chữ cái a,b ở cùng một cột thể hiện sự khác nhau có ý nghĩa thống kê giữa các tỷ lệ trong cùng một cột. So sánh được thực hiện bằng phương pháp Chi-square, $P < 0,05$.

Từ bảng 3 cho thấy: tỷ lệ mắc bệnh viêm tử cung ở giống chó Berger Đức cao vào mùa Hạ (23,95%) và mùa Xuân (21,42%), tỷ lệ mắc bệnh thấp hơn vào mùa Thu và mùa Đông (9,81% và 11,0%). Sự sai khác về tỷ lệ mắc bệnh giữa mùa Hạ, mùa Xuân so với mùa Thu và mùa Đông có ý nghĩa thống kê ($P < 0,05$). Sờ dĩ có sự khác biệt về tỷ lệ mắc bệnh giữa các mùa trong năm, có lẽ đó là do sự khác nhau của yếu tố môi trường, vào mùa Hạ, ẩm độ và nhiệt độ trung bình thường ở mức cao gây ra thời tiết oi bức khó chịu, thêm vào đó thời gian đẻ của chó mẹ thường kéo dài hơn làm ảnh hưởng đến sức khỏe của chó mẹ; mùa Xuân độ ẩm luôn ở mức cao, chuồng trại thường ẩm ướt, tạo điều kiện thuận lợi cho mầm bệnh phát triển, xâm nhập từ bên ngoài vào tử cung gây bệnh, chính vì thế mà tỷ lệ mắc bệnh ở 2 mùa này cao hơn. Ngược lại, thời tiết của mùa Thu dễ chịu hơn, nền nhiệt trung bình không quá cao mà cũng không quá thấp tạo điều kiện thuận

lợi cho quá trình sinh đẻ của chó mẹ, đồng thời nó cũng ít tạo stress nhiệt cho chó mẹ, có lẽ vì vậy tỷ lệ mắc bệnh viêm tử cung của chó mẹ mùa này thấp hơn. Chatdarong và cs., (2007) cho biết: yếu tố môi trường như nhiệt độ môi trường cao, cường độ chiếu sáng lớn làm giảm sức đề kháng của chó khiến khả năng mắc bệnh sinh sản tăng và hoạt động sinh sản của chó cái giảm, đồng nhất với nhận xét của chúng tôi trong nghiên cứu này.

3.4. Một số nguyên nhân ảnh hưởng đến bệnh viêm tử cung của đàn chó Berger Đức

Theo dõi bệnh sản khoa trên đàn chó Berger Đức nuôi tại các địa điểm nghiên cứu, chúng tôi phát hiện có 3 bệnh sản khoa thường gặp, đó là sảy thai, đẻ khó và sát nhau. Chúng tôi đã tìm hiểu ảnh hưởng của những bệnh này đến tỷ lệ mắc bệnh viêm tử cung, kết quả được trình bày tóm tắt tại bảng 4.

Bảng 4. Ảnh hưởng của một số bệnh sản khoa đến tỷ lệ mắc bệnh viêm tử cung

Tên bệnh	Số chó mắc bệnh viêm tử cung (con)	Tỷ lệ (%)
Đẻ khó (n= 42)	38	90,47
Sát nhau (n= 28)	17	64,28
Sảy thai (n= 16)	05	31,25

Kết quả bảng 4 cho thấy: 3 bệnh sản khoa (đẻ khó, sát nhau và sảy thai) có ảnh hưởng lớn, mang tính quyết định đến tỷ lệ mắc bệnh viêm tử cung ở đàn chó cái giống Berger Đức. Cụ thể trong 65 chó mắc bệnh viêm tử cung (bảng 1)

thì có tới 60 con (bảng 4) (chiếm tỷ lệ 92,30%) mắc 1 trong 3 bệnh sản khoa kể trên. Trong tất cả các trường hợp đẻ khó, thời gian đẻ của chó kéo dài, toàn bộ 42 trường hợp đẻ khó đều có sự can thiệp bằng tay của người đỡ đẻ hoặc sự trợ

giúp của dụng cụ sản khoa, thậm chí phải sử dụng biện pháp mổ đẻ, do đó rất dễ gây sây sát niêm mạc đường sinh dục nói chung và tử cung nói riêng; trong khi đó thời gian đẻ kéo dài, cổ tử cung đóng chậm, vi khuẩn dễ dàng xâm nhập từ bên ngoài vào rồi xâm nhập qua những vết trầy xước trên niêm mạc đường sinh dục gây viêm. Trong các trường hợp chó bị sảy nhau, do nhau thai còn tồn tại lâu trong tử cung, cổ tử cung luôn mở, sản dịch lẫn những tổ chức hoại tử luôn thải ra ngoài, từ đó tạo điều kiện cho vi khuẩn dễ dàng xâm nhập từ bên ngoài vào gây viêm tử cung, có lẽ vì vậy mà tỷ lệ mắc viêm tử cung của chó trong những trường hợp đẻ khó và

sảy nhau là rất cao (90,47% và 64,28%). Trần Tiến Dũng và cs. (2002) thông báo hiện tượng đẻ khó và sảy nhau là nguyên nhân chủ yếu gây kể phát viêm tử cung ở gia súc sinh sản, tương đồng với nhận xét của chúng tôi trong nghiên cứu này.

3.5. Kết quả điều trị bệnh viêm tử cung chó

45 chó cái mắc bệnh viêm tử cung được chia ra 3 lô, mỗi lô được điều trị bằng 1 phác đồ, các lô thí nghiệm có sự tương đồng về số lượng, lứa tuổi, lứa đẻ cũng như tình trạng bệnh. Kết quả được trình bày tại bảng 5.

Bảng 5. Kết quả điều trị bệnh viêm tử cung và khả năng sinh sản của chó sau khi khỏi bệnh

Phác đồ	Số điều trị (con)	Số khỏi (con)	Tỷ lệ (%)	Số ngày điều trị ($\bar{X} \pm mx$)	Số động dục lại (con)	Tỷ lệ (%)	Số có thai sau lần phối đầu (con)	Tỷ lệ (%)
Phác đồ 1	15	15	100	6,07 $\pm$ 0,32	7	46,67	4	57,14
Phác đồ 2	15	15	100	5,33 $\pm$ 0,28	9	60,00	6	66,67
Phác đồ 3	15	15	100	4,06 $\pm$ 0,16	12	73,33	9	75,00

Kết quả ở bảng 5 cho thấy: trong 3 phác đồ thử nghiệm, phác đồ 3 có hiệu quả tốt nhất, thể hiện ở các chỉ tiêu: tỷ lệ khỏi bệnh cao (100%), số ngày điều trị ngắn (4,08 $\pm$ 0,18 ngày), tỷ lệ động dục lại sau khi khỏi bệnh cao (73,33%), đồng thời tỷ lệ phối lần đầu có thai lại cao nhất (75,00%). Sở dĩ phác đồ 3 có hiệu quả điều trị cao, theo chúng tôi do có sử dụng chế phẩm Ovulprost chứa hoạt chất cloprostenol (một dẫn xuất của PGF_{2 α}) có tác dụng kích thích tử cung co bóp, tổng dịch viêm ra ngoài, đồng thời có tác dụng phá vỡ thể vàng, kích thích nang trứng phát triển gây hiện tượng động dục. Lugol có chứa nguyên tố Iod có tác dụng sát trùng, đồng thời thông qua niêm mạc tử cung, cơ thể hấp thu được dung dịch Iod giúp cho cơ quan sinh dục mau chóng hồi phục, làm xuất hiện chu kỳ sinh dục sớm hơn. Nghiên cứu của De Rensis và cs. (2012) ghi nhận prostaglandin F_{2 α} có tác dụng phá vỡ thể vàng và làm tăng hoạt động cơ tử cung, phù hợp với nhận xét của chúng tôi

trong nghiên cứu này. Ưu điểm của việc sử dụng dẫn xuất của PGF_{2 α} khắc phục hiện tượng rối loạn sinh sản của chó nói chung, điều trị bệnh viêm tử cung của chó nói riêng, đã được nhiều nghiên cứu trên thế giới cũng như ở Việt Nam khẳng định (Rota và cs., 2003; Nguyễn Thị Hoa và Sử Thanh Long, 2017). Kết quả của chúng tôi cho thấy sự ưu việt của chế phẩm này cụ thể trong điều trị bệnh viêm tử cung của chó tại Việt Nam, qua đó góp phần khẳng định thêm sự ghi nhận của các tác giả Hoàng Kim Giao và Nguyễn Thanh Dương (1997), Nguyễn Văn Thanh và Lê Trần Tiến (2007), Đinh Văn Cải và cs. (2012) tại những nghiên cứu sử dụng PGF_{2 α} khắc phục hiện tượng rối loạn sinh sản nói chung và điều trị bệnh viêm tử cung của các vật nuôi khác tại Việt Nam trước đây.

IV. KẾT LUẬN

Thông qua kết quả nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy: tỷ lệ mắc bệnh viêm tử cung ở đàn chó

cái giống Berger Đức nuôi tại một số tỉnh phía Bắc là khá cao, 16,41%, biến động phụ thuộc theo địa phương, mùa vụ cũng như tuổi chó mẹ. Các kết quả này được chúng tôi cung cấp lại cho người chăn nuôi, cán bộ thú y địa phương làm cơ sở dữ liệu tham khảo để việc phòng bệnh được tập trung hơn cho các đối tượng có nguy cơ cao (chó cái lớn tuổi) hay các thời điểm dễ mắc bệnh (mùa Hạ, mùa Xuân). Các bệnh sản khoa: đẻ khó, sát nhau và sảy thai có ảnh hưởng nhiều đến tỷ lệ chó cái giống Berger Đức mắc viêm tử cung, nên khi quan sát thấy các bệnh này, người chăn nuôi, các cán bộ thú y cần chú ý tập trung phòng ngừa kể phát viêm tử cung. Bên cạnh đó, bằng kết quả nghiên cứu, chúng tôi giới thiệu việc sử dụng phác đồ điều trị cho chó đã mắc viêm tử cung như sau: tiêm bắp 1 lần 2ml (25mg) Ovulprost, thụt 100ml dung dịch Lugol 0,1% vào tử cung, bơm Cephachlor 5mg/kg thể trọng pha với 50ml nước cất vào tử cung, đồng thời kết hợp trợ sức, trợ lực bằng vitamin ADE và B.complex.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. CAB International (2007). The Behavioural Biology of Dogs. Chapter 7: p. 106, p. 147, <http://www.cabi.org/cabebooks>
2. Chatdarong K., Tummaruk P., Sirivaiyapong S. and Raksil S. (2007), Seasonal and breed effects on reproductive parameters in bitches in the tropics: a retrospective study. *J Small Anim Pract.* 48: 444-448.
3. De Rensis F., Saleri R., Tummaruk P., Techakumphu M. and Kirkwood R.N. (2012), Prostaglandin $F_{2\alpha}$ and control of reproduction in female swine: A review. *Theriogenology.* 77: 1-11.
4. Đình Văn Cái, Đậu Văn Hải, Lưu Công Hòa, Thái Khắc Thanh, Hoàng Khắc Hải; Lê Trần Thái và Nguyễn Hữu Trà (2012). Sử dụng Prostaglandin $F_{2\alpha}$ để gây động dục trên trâu cái chậm sinh. *Tạp chí Khoa học và công nghệ Việt Nam.* Số 5 (35)/2012: 83-87.
5. Hagman et al., Hagman R., Kindahl H. and Lagerstedt A.S. (2006), Pyometra in bitches induces elevated plasma endotoxin and prostaglandin $F_{2\alpha}$ metabolite levels. *Acta Vet Scand.* 47: 55-68.
6. Hermann H. S. and Ekkehard T. G. K (2005). A new obstetrical instrument and advanced method of veterinary obstetrics for sows. *J Swine Health Prod.*, 13(2): 99-101
7. Hoàng Kim Giao và Nguyễn Thanh Dương (1997). Công nghệ sinh sản trong chăn nuôi bò. *NXB Nông nghiệp*, Hà Nội
8. Jitpean S., Hagman R., Ström H.B., Höglund O.V., Pettersson A. and Egenvall A. (2012), Breed variations in the incidence of pyometra and mammary tumours in Swedish dogs. *Repro Domest Anim.* 47: 347-350.
9. Kida K., Baba E., Torii R., Kawate N., Hatoya S., Wijewardana V., Sugiura K., Sawada T., Tamada H. and Inaba T. (2006), Lactoferrin expression in the canine uterus during the estrous cycle and with pyometra. *Theriogenology.* 66: 1325-33.
10. Nguyễn Thị Hoa và Sử Thanh Long (2017). Vai trò Prostaglandin $F_{2\alpha}$ trong điều trị chậm động dục trên chó. *Tạp chí Khoa học kỹ thuật Chăn nuôi.* Số 220: 83-87
11. Nguyễn Thị Hoa, Sử Thanh Long và Trịnh Đình Thảo (2016). Yếu tố ảnh hưởng đến bệnh viêm tử cung ở chó. *Tạp chí Khoa học kỹ thuật Chăn nuôi.* số 218: 87-92.
12. Nguyễn Thị Mai Thơ (2009). Nghiên cứu xác định một số chỉ tiêu sinh sản và bệnh thường gặp trên một số giống chó được sử dụng làm chó nghiệp vụ phục vụ công tác kiểm lâm bảo vệ tài nguyên rừng. Luận văn thạc sĩ Nông nghiệp. Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (Hiện là Học viện Nông nghiệp Việt Nam).
13. Nguyễn Văn Thanh và Lê Trần Tiến (2007). Khảo sát tỷ lệ mắc và thử nghiệm điều trị bệnh viêm tử cung ở đàn bò sữa nuôi tại một số địa phương ngoại thành Hà Nội và Bắc Ninh. *Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thú y.* Hội Thú y Việt Nam. Tập IX, Số 1: 50-54.
14. Nguyễn Văn Thanh và Nguyễn Mạnh Hà (2012). Chó Béc giê Đức, giống chó số 1 thế giới. *Nhà xuất bản Lao động.*
15. Nguyễn Văn Thanh, Vũ Như Quán, Sử Thanh Long và Nguyễn Đức Trường (2016). Bệnh của chó ở Việt Nam và biện pháp phòng trị. *Nhà xuất bản Nông nghiệp*, Hà Nội.
16. Nguyễn Văn Thanh, Vũ Như Quán, Sử Thanh Long, Nguyễn Đức Trường (2016). Bệnh của chó ở Việt Nam và biện pháp phòng trị. [Sách tham khảo]. *Nhà xuất bản Nông nghiệp*.
17. Rota A., Mollo A., Marinelli L., Gabai G. and Vincenti L. (2003), Evaluation of cabergoline and buserelin efficacy for oestrous induction in the bitch. *Reprod Domest Anim.* 38: 440-443.
18. 79: 17-23. Sharif H., R. Hagman, L. Wang and S. Eriksson (2013), Elevation of serum thymidine kinase 1 in a bacterial infection: Canine pyometra. *Theriogenology.*
19. Silva GL and Dean C, (2012). Modelling and analysis of disease incidence rates by age-groups over regions. <http://www.ceaul.fc.ul.pt/getfile.asp?where=notas&id=336>. [Accessed: 11st, September, 2017]. 1-28.
20. Trần Tiến Dũng, Dương Đình Long, Nguyễn Văn Thanh (2002). Sinh sản gia súc. *Nhà xuất bản Nông nghiệp*, Hà Nội.

Ngày nhận 15-1-2018

Ngày phản biện 20-2-2018

Ngày đăng 1-6-2018